| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CẨM KHÊ**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 02/2024/QĐST-DS | *Cẩm Khê, ngày 30 tháng 01 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản.

## XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*1.1. Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Hợp tác và sản xuất N.

Địa chỉ: Khu 03, xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh C. Chức vụ: Giám đốc:

Người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 22/01/2024): Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu 01, xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

*1.2. Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu T, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

**2.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngày 30/4/2024, chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Hợp tác và Sản xuất N số tiền mua Sơn còn nợ gốc là 21.655.400đ (Hai mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm đồng) và 3.819.000đ (Ba triệu tám trăm mười chín nghìn đồng) tiền lãi. Tổng cả gốc và lãi là 25.484.400đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. *Về án phí:* Công ty TNHH Hợp tác và Sản xuất N tự nguyện nộp cả số tiền 637.110 đ (Sáu trăm ba mươi bẩy nghìn một trăm mười đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận Công ty TNHH Hợp tác và Sản xuất N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.041.000đ (Một triệu không trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0008234, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ ngày 10/10/2023. Trả lại cho Công ty TNHH Hợp tác và Sản xuất N số tiền chênh lệch là 403.890đ (Bốn trăm linh ba nghìn tám tăm chín mươi nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a; 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- THADS huyện Cẩm Khê;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Hán Hưởng**

-